TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2019/HNGĐ-PT
Ngày: 25-3-2019.
"V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Mai;

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Thanh Giang;

Bà Nguyễn Thị Thúy Phượng.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Lê Thị Oanh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa*:** Bà Đặng Thị Châu - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2019/TLPT-HNGĐ, ngày 11 tháng 01 năm 2019, về "Tranh chấp ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn".

Do Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 118/2018/HNGĐ-ST ngày 12 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 13/2019/QĐ-PT ngày 05 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1988; cư trú tại: Số 2086, tổ 10, ấp AT1, xã AT2, huyện TrB, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phạm Thanh Đ - Luật sư của Chi nhánh Văn phòng luật sư TĐ thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

- *Bị đơn*: Anh Thái Kiến Q (tên gọi khác Đ), sinh năm 1985; cư trú tại: Tổ 3, ấp CX, xã HT, huyện TrB, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

Người kháng cáo: Anh Thái Kiến Q là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17-4-2018 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, chị Nguyễn Thị N trình bày:

Chị và anh Thái Kiến Q tự nguyện chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HT, huyện TrB, tỉnh Tây Ninh ngày 24-11-2015. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 5 năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, sinh hoạt kinh tế gia đình, mỗi người tự quản lý tiền riêng, không có tài sản chung, gia đình chồng hà khắc, bản thân anh Q nghi ngờ lòng chung thủy của vợ, không đưa tiền để chi phí nuôi con.

Vợ chồng ly thân từ tháng 2-2018, anh Q chỉ đến thăm con 04 lần, chị đã tạo cơ hội để vợ chồng hàn gắn nhưng không thể đoàn tụ. Chị yêu cầu được ly hôn với anh Q.

Về con chung: Có 01 con chung tên Thái NMY, sinh ngày 02-5-2017, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Y, yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng số tiền 1.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Vợ chồng có chung 10 chỉ vàng 24K 98% gồm 01 đôi bông tai, 02 chiếc lắc đeo tay, 01 sợi dây chuyền và 02 chiếc nhẫn là vàng cưới cha mẹ cho, hiện nay chị đang giữ. Ngoài ra, chị và anh Q mỗi người có giữ 01 chiếc nhẫn cưới mỗi chiếc 05 phân vàng 18K.

Vợ chồng còn có 01 điện thoại di động hiệu OPPO (hiện nay không còn giá trị sử dụng) chị đang giữ, do anh Q mua vào tháng 02-2018 giá 4.000.000 đồng. Ngoài ra, anh Q còn có đưa cho chị số tiền 3.000.000 đồng để sửa xe riêng của chị. Chị đồng ý trả lại cho anh Q điện thoại, không đồng ý trả số tiền sửa xe vì anh Q cho chị.

Chị yêu cầu được quyền sở hữu 05 chỉ vàng 24K 98% và 05 phân vàng 18K, chị giao lại cho anh Q được quyền sở hữu 05 chỉ vàng 24K 98%, anh Q được quyền sở hữu 01 chiếc nhẫn 05 phân vàng 18K anh Q đang giữ.

Về nợ chung: không có.

Bị đơn anh Thái Kiến Q trình bày:

Về hôn nhân: Anh thống nhất với lời trình bày của chị N về thời gian kết hôn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do chị N không chịu nghỉ việc làm công nhân và ở nhà mẹ ruột của mình để tiện đi làm nhưng đến thứ bảy, chủ nhật anh rước về nhà anh chị N không về nên vợ chồng anh ly thân từ tháng 11-2017 đến nay.

Trong thời gian ly thân mỗi tuần anh đều đến thăm con. Đến tháng 02-2018, anh có ý định rước chị N về nhà nhưng chị N không đồng ý.

Anh còn thương vợ, thương con không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Thống nhất với chị N có 01 người con chung là cháu Thái NMY, nếu ly hôn anh đồng ý giao cháu M.Y cho chị N nuôi nhưng anh không đồng ý cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Anh thống nhất với chị N về tài sản chung của vợ chồng là 10 chỉ vàng 24K 98%, chấp nhận hưởng 05 chỉ vàng 24K 98% và 05 phần vàng 18K anh đang giữ.

Tháng 02-2018, anh có đưa chị N 7.000.000 đồng để chi phí mua 01 điện

thoại di động hiệu OPPO giá 4.000.000 đồng, hiện nay điện thoại này đã hư, không còn giá trị sử dụng và chị N chi phí sửa xe nhãn hiệu Vision là tài sản riêng của chị N số tiền 3.000.000 đồng. Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 118/2018/DS-ST ngày 12 tháng 11 năm 2018, của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:

Căn cứ vào các Điều 56, 59, 61, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Thái Kiến Q (Đ).

2. Về con chung: Giao chị Nguyễn Thị N tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Thái NMY, sinh ngày 02-5-2017.

Buộc anh Thái Kiến Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Thái NMY mỗi tháng số tiền 750.000 (bảy trăm năm mươi nghìn) đồng từ ngày 12-11-2018 cho đến khi cháu Y đủ 18 tuổi.

Anh Thái Kiến Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung:

- Chị N được quyền sở hữu 05 chỉ vàng 24K 98% và 01 chiếc nhẫn 05 phân vàng 18K chị N đang giữ.

- Anh Q được quyền sở hữu 01 chiếc nhẫn 05 phân vàng 18K anh Q đang giữ và 05 chỉ vàng 24K 98%.

Do chị N đang giữ 10 chỉ vàng 24K 98% nên chị N có nghĩa vụ giao cho anh Q 05 chỉ vàng 24K 98%.

Ghi nhận anh Q không yêu cầu giải quyết số tiền 3.000.000 (ba triệu) đồng anh Q đưa cho chị N sửa xe riêng của chị N và không yêu cầu giải quyết số tiền 4.000.000 (bốn triệu) đồng anh Quóc đưa cho chị N mua 01 điện thoại di động hiệu OPPO.

4. Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Thái Kiến Q khai không có nên Tòa án không đặt ra để giải quyết.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về phần án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 26 tháng 11 năm 2018, anh Thái Kiến Q kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N, nếu ly hôn anh yêu cầu chị N trả lại 10 chỉ vàng 24k 98% và số tiền 7.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh Q rút một phần kháng cáo đối với số tiền 7.000.000 đồng, bổ sung yêu cầu kháng cáo nếu Tòa án cho ly hôn thì anh yêu cầu được nuôi con.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:

Anh Q cho rằng còn thương vợ con là không đúng vì từ khi ly thân đến nay anh Q chỉ thăm con 4 lần cũng không có biện pháp nào tác động đến tình

cảm để có thể đoàn tụ. Tuy rằng mâu thuẫn giữa hai vợ chồng không rõ ràng nhưng nhiều mâu thuẫn nhỏ thành mâu thuẫn lớn không thê cải thiện được. Đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo đoàn tụ của anh Q.

Đối với kháng cáo yêu cầu được nuôi con của anh Q cũng không phù hợp, bởi vì con chung của anh chị hiện nay dưới 36 tháng tuổi nên đề nghị để chị N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Đối với kháng cáo về tài sản chung, anh Q chỉ tranh chấp 10 chỉ vàng anh chị được cha mẹ tặng cho lúc cưới. Tuy rằng số vàng này là cha mẹ anh Q cho nhưng đó là cho cả hai vợ chồng, là tài sản chung nên khi ly hôn cần chia cho cả hai.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm, không chấp nhận kháng cáo của anh Q.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị N và anh Thái Kiến Q là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống giữa anh chị phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh chị bất đồng về mọi mặt trong đời sống; anh Q làm việc có thu nhập nhưng không thực hiện nghĩa vụ nuôi con cùng chị N; anh Q không cho chị N đi làm là vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại Điều 19, 23 của Luật Hôn nhân và gia đình. Chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn và thực tế anh chị đã ly thân nhưng vẫn không hàn gắn được mối quan hệ vợ chồng. Anh Q kháng cáo không đồng ý ly hôn với chị N nhưng tại phiên tòa anh Q không đưa ra được biện pháp nào để vợ chồng giải quyết mâu thuẫn. Do đó, xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh Q đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Anh Q yêu cầu được nuôi con, xét thấy, cháu Thái NMY, sinh ngày 02-5-2017 chưa tròn 02 tuổi, theo quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình thì "C*on dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ*

trực tiếp nuôi..”. Do đó, cấp sơ thẩm giao cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng cháu M.Y là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị N và anh Q đều thừa nhận ngày cưới vợ chồng được tặng cho chung 10 chỉ vàng 24K 98% và 01 chỉ vàng 18K, anh chị đã thống nhất đây là tài sản chung của vợ chồng và đồng ý chia mỗi người sở hữu 05 chỉ vàng 24K 98% và 05 phân vàng 18K. Nay anh Q kháng cáo cho rằng chị N xin ly hôn không có lý do nên anh không đồng ý chia tài sản chung cho chị N, yêu cầu chị N trả 10 chỉ vàng 24K 98% cho anh là không có căn cứ chấp nhận.

[4] Tại phiên tòa sơ thẩm, anh Q không yêu cầu chị N trả số tiền 7.000.000 đồng, sau đó, anh Q kháng cáo yêu cầu chị N trả lại số tiền này. Tại phiên tòa phúc thẩm, anh Q tiếp tục rút yêu cầu kháng cáo đối với số tiền này. Do đó, Tòa án chấp nhận việc rút yêu cầu kháng cáo này của anh Q.

[5] Từ những phân tích trên, xét thấy đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh là có căn cứ, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của anh Q, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của anh Q không được chấp nhận nên phải chịu án phí phúc thẩm dân sự theo quy định tại Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, các Điều 56, 59, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5, khoản 6 Điều 27, Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của anh Thái Kiến Q. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Thái Kiến Q (tên gọi khác: Đ).

2. Về con chung: Giao cháu Thái NMY, sinh ngày 02-5-2017 cho chị Nguyễn Thị N tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Buộc anh Thái Kiến Q cấp dưỡng cho cháu Ý mỗi tháng số tiền 750.000 đồng (bảy trăm năm mươi nghìn), thời gian cấp dưỡng từ ngày 12-11-2018 cho đến khi cháu Ý đủ 18 tuổi.

Anh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở. Anh Q không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung:

3.1. Chị Nguyễn Thị N được quyền sở hữu 05 (năm) chỉ vàng 24K 98% và 01 chiếc nhẫn 05 phân vàng 18K, hiện chị N đang giữ.

3.2. Anh Q được quyền sở hữu 01 chiếc nhẫn 05 (năm) phân vàng 18K anh Q đang giữ. Chị N có nghĩa vụ giao cho anh Q sở hữu 05 chỉ vàng 24K 98%.

3.3. Ghi nhận anh Q không yêu cầu chị N trả số tiền 3.000.000 đồng tiền sửa xe của chị N và 4.000.000 đồng tiền mua 01 điện thoại di động.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Thái Kiến Q khai không có, nên Tòa án không đặt ra để giải quyết.

5. Án phí dân sự sơ thẩm:

5.1. Chị Nguyễn Thị N phải chịu án phí về việc ly hôn là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng và án phí về việc chia tài sản khi ly hôn là 927.262 đồng (chín trăm hai mươi bảy nghìn hai trăm sáu mươi hai đồng), tổng cộng là 1.227.262 đồng (một triệu hai trăm hai mươi bảy nghìn hai trăm sáu mươi hai đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 1.221.000 đồng (một triệu hai trăm hai mươi mốt nghìn đồng) theo các theo Biên lai thu số: 0010000 ngày 21-5-2018 và 0016116 ngày 14-6-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bàng; chị N còn phải nộp thêm 6.262 đồng (sáu nghìn hai trăm sáu mươi hai đồng)

5.2. Anh Thái Kiến Q phải chịu án phí về việc cấp dưỡng cho con là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) và án phí về việc chia tài sản khi ly hôn là 927.262 đồng (chín trăm hai mươi bảy nghìn hai trăm sáu mươi hai đồng), tổng cộng là 1.227.262 đồng (một triệu hai trăm hai mươi bảy nghìn hai trăm sáu mươi hai đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 1.096.000 đồng (một triệu không trăm chín mươi sáu nghìn đồng) theo Biên lai thu số: 0016137 ngày 20-6-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bàng; anh Q còn phải nộp 131.262 đồng (một trăm ba mươi mốt nghìn hai trăm sáu mươi hai đồng).

6. Án phí dân sự phúc thẩm: Anh Thái Kiến Q phải chịu 300.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm dân sự đã nộp 300.000 đồng tại biên lai thu số 0016527 ngày 27-11-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bàng. Anh Q đã nộp xong án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND huyện Trảng Bàng;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- Chi cục THADS huyện Trảng Bàng;
- Phòng Kiểm tra nghiệp vụ;
- Các đương sự;
- Lưu tập án;
- Lưu hồ sơ vụ án (Oanh).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Võ Thị Hồng Mai